

HƯỚNG DẪN CÁCH VIẾT ĐƠN YÊU CẦU PHÁT HÀNH GIẤY CHỨNG MINH THUẾ

市民税・県民税等所得・課税 (非課税)証明書交付申請書

○交付できる年限は、今年度を入れて5年度分です。

○申請者（あなた）の本人確認書類を添えて申請してください。

◎太くく部分をご記入ください

① 年 月 日

現住所 ②

電話 () ③ -

フリガナ ⑤

氏名 ④ (大・昭・平・令・西暦 ⑥ 年 月 日生)

※1 代理の方が申請される場合は委任状が必要です。証明書には前年1月から12月の所得が記載されます。

どなたの証明が必要ですか

現住所 □同上 ⑦

神戸市内の1月1日時点の住所 □同上 ⑧

フリガナ氏名

必要年度・通数を記入してください

令和 ⑩ 年度 ⑪ 通

本人以外 ⑨

氏名 (大・昭・平・令・西暦 年 月 日生)

令和 年度 通

証明が必要な方と同一世帯で併せて証明が必要な親族の方 ※2

フリガナ氏名

令和 年度 通

氏名 (大・昭・平・令・西暦 年 月 日生)

令和 年度 通

※2 本人の同意を得た場合に限り。疑義がある場合には本人に直接確認する場合があります。

何に使われますか ⑭

○健康保険・年金 ○公営住宅 ○扶養認定・勤務先提出 ○出入国在留管理庁提出 ○学校・保育所 ○記載あり ○記載なし ○その他 ()

所得控除の記載はありますか ⑮

「記載なし」に○をされた場合、所得控除額や扶養親族数は記載せずに証明書を発行します。 ※何も○がない場合には「記載あり」として証明発行を行います。

※以下は記入しないでください。

証明手数料

証明手数料

交付

作成

審査

交付

本人確認

運転免許証

○パスポート

○在留カード

○その他 ()

健康保険証

○通帳・カード

○社員証

○その他 ()

Chú giải về năm tài chính ở mục 10:
 1/1 ~ 12/31/2024: Hãy điền số 7
 1/1 ~ 12/31/2023: Hãy điền số 6
 1/1 ~ 12/31/2022: Hãy điền số 5
 1/1 ~ 12/31/2021: Hãy điền số 4
 1/1 ~ 12/31/2020: Hãy điền số 3

① Hãy ghi năm/ tháng/ ngày viết đơn này.

② Hãy ghi địa chỉ bạn đang sống.

③ Hãy ghi số điện thoại có thể gọi cho bạn.

④ Hãy ghi tên của bạn.

⑤ Hãy ghi phiên âm tên bạn theo Katakata.

⑥ Hãy khoanh vào 西暦 rồi điền ngày sinh của bạn theo thứ tự năm / tháng/ ngày.

Nếu bạn muốn yêu cầu phát hành Giấy chứng minh về thuế của bản thân bạn, hãy đánh dấu ☒ và ô 本人 ở mục số 9. Nếu địa chỉ hiện tại của bạn giống với địa chỉ bạn ghi ở mục 2, hãy đánh dấu ☒ và ô 同上 ở mục 7. Nếu địa chỉ mà bạn ở vào ngày 1/1 năm nay giống với địa chỉ bạn ghi ở mục 2, hãy đánh dấu ☒ và ô 同上 ở mục 8. Nếu khác, hãy điền thông tin tương ứng vào mục 7, 8 đó.

Nếu bạn muốn yêu cầu phát hành Giấy chứng minh về thuế của người khác, bạn cần mang theo Giấy ủy nhiệm. Hãy đánh dấu ☒ và ô 本人以外 ở mục số 9 rồi viết quan hệ của bạn với người đó vào trong ngoặc. Sau đó điền thông tin tên, phiên âm và ngày sinh của người đó vào ô bên.

Đối với người được ghi ở mục 9, hãy ghi năm tài chính mà bạn muốn lấy Giấy chứng minh vào mục 10 và số lượng Giấy chứng minh muốn lấy vào mục 11. Nếu bạn muốn yêu cầu phát hành Giấy chứng minh của năm tài chính khác nữa, hãy điền thông tin năm tài chính cũng như số lượng và mục ngay bên dưới.

Ngoài người được ghi ở mục 9 ra, nếu bạn muốn lấy Giấy chứng minh cho người khác nữa (với điều kiện người này thuộc cùng hộ gia đình của người được viết ở mục 9), bạn hãy điền thông tin về họ tên, phiên âm, ngày sinh, năm tài chính muốn lấy Giấy chứng minh cũng như số lượng Giấy chứng minh vào ô tương ứng. Nếu những người này thuộc cùng một hộ với bạn và đều sống ở Kobe thì bạn không cần chuẩn bị Giấy ủy nhiệm, nếu không, bạn cần chuẩn bị Giấy ủy nhiệm.

Hãy đánh dấu ☒ vào mục tương ứng với mục đích sử dụng của Giấy chứng minh.
 融資: Vay tiền.
 保証人: Làm người bảo lãnh cho người khác.
 公営住宅: Làm các thủ tục liên quan đến nhà ở được trợ cấp.
 扶養認定・勤務先提出: Nộp cho nơi công tác hoặc để làm thủ tục cho đối tượng phụ thuộc.
 健康保険・年金: Làm thủ tục tham gia Bảo hiểm hoặc Nenkin, hoặc để kiểm tra thu nhập.
 医療福祉: Dùng cho các mục đích liên quan đến một số loại Bảo hiểm của nhà nước.
 学校・保育所: Nộp cho trường mẫu giáo, hoặc cho trường học.
 出入国在留管理庁提出: Làm thủ tục liên quan đến tư cách lưu trú.
 その他: Mục đích khác. Hãy ghi bằng tiếng Nhật và trong ngoặc đơn.

Hãy đánh dấu ☒ vào trước chữ 記載なし nếu bạn không yêu cầu in thông tin về mức khấu trừ thu nhập trong Giấy chứng minh. Nếu bạn không đánh dấu vào ô nào cả thì Giấy chứng minh sẽ tự động in thông tin về mức khấu trừ.

⑮

委任状 / GIẤY ỦY NHIỆM

Năm: 年 tháng: 月 ngày: 日

本人（証明の必要な方） / Thông tin của người ủy nhiệm

住所 / Địa chỉ:

氏名 / Họ và tên:

自筆でない場合は押印が必要です。 / Nếu người ủy nhiệm không tự viết các nội dung bên trên, người đó cần đóng dấu của mình ngay sau Họ và tên.

生年月日 / Ngày tháng năm sinh (hãy khoanh vào chữ 西暦)

大・昭・平・令・西暦

Năm:

年 tháng:

月 ngày:

日

電話番号 / Số điện thoại:

下記の者に税務証明書の請求を委任します。 / Tôi ủy nhiệm cho người được ghi ở bên dưới sẽ thay tôi yêu cầu phát hành Giấy chứng minh Thuế.

代理人（証明を取りに来られる方） / Thông tin của người được ủy nhiệm

住所 / Địa chỉ:

氏名 / Họ và tên:

生年月日 / Ngày tháng năm sinh (hãy khoanh vào chữ 西暦)

大・昭・平・令・西暦

Năm:

年 tháng:

月 ngày:

日

※委任状は必ず本人が自署または記名押印してください。 / Giấy ủy nhiệm này cần được viết trực tiếp bởi người ủy nhiệm, hoặc phải được đóng dấu của người ủy nhiệm nếu người đó không trực tiếp viết.

※代理人の方の本人確認をさせていただきます。 / Chúng tôi sẽ tiến hành kiểm tra thông tin cá nhân của người được ủy nhiệm.

※偽り、その他不正な手段により委任状を偽造した場合は、刑罰の対象となります。（刑法第159条・161条）。 / Nếu Giấy ủy nhiệm được lập thông qua các thủ đoạn bất chính, lừa dối, hành vi đó sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.